

Bản án số: 45/2022/HS-ST.

Ngày: 30 - 5 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn V T.

Thẩm phán: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ;

Bà Nguyễn Thị Lộc;

Ông Nguyễn Hữu Nhạc.

- Th ký phiên tòa: Bà Dung Thị Mỹ Ái, Th ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn H Tuy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 và 30 tháng 5 n 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 12 n 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 n 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 11/2022/TB-TA ngày 29/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HS-QĐ ngày 28 tháng 4 n 2022, đối với các bị cáo:

1. Hồ Thị Ngọc Y, sinh n 1993, tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn A, xã H, hiện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ v hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ V B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu M; có chồng Huỳnh V T và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt truy nã, tạm giam ngày 10/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Phí V T, sinh n 1959, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu phố A, phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chứng viên; trình độ v hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phí V T (đã chết) và bà Trần Thị R (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Kim Y và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam ngày 04/8/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- *Người bào chữa cho bị cáo Phí V T:* Ông Trần Văn Đạt, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận; địa chỉ: Số 10 đường 19/4, phường Xuân An, t phố Phan Thết, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Thanh Duy L, sinh n 1971;

2. Bà Nguyễn Thị Minh Ch, sinh n 1982;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ch: Ông Trần Thanh Duy L, theo hợp đồng ủy quyền ngày 16/3/2022, tại V phòng công chứng Trương V Cương.

Cùng nơi cư trú tại Đặng V, Khu phố A1, phường Pt, tp Ph, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh n 1981, nơi cư trú tại Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:

Ông Đặng Trường Thanh, có mặt.

Bà Lê Thị Công Danh, vắng mặt.

Cùng Luật sư của V phòng luật sư Đặng Trường Thanh thuộc Đoàn luật sư t phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 112/18B đường 20, Phường 5, quận Gò Vấp, TPHCM.

4. Ông Võ Thái Nh, sinh n 1990; nơi cư trú tại Thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Ta (Tám), sinh n 1967; nơi cư trú tại 22B Nguyễn Thái Học, Khu phố 1, phường Đ, t phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ta: Ông Trần K, sinh n 1954; nơi cư trú tại Khu phố A4, phường Đ, tp P, tỉnh Bình Thuận; nơi tạm trú Nguyễn Thái H, phường Đ, tp Ph, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Ông Ch Chí Ph, sinh n 1990;

3. Bà Lê Thị Minh V, sinh n 1992;

Cùng nơi cư trú tại Hùng Vương, Khu phố h, phường P, tp P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph, bà V: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Tr, sinh n 1996, nơi cư trú tại Khu phố A1, phường P, tp Ph, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

4. Ông Huỳnh V Th, sinh năm 1985; nơi cư trú Xóm A7, Thôn A5, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nơi tạm trú Thôn A1, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Thuận (BIDV): Ông Đinh Tuấn Khôi, giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Khôi: Bà Phạm Ngọc Danh P, Trưởng phòng khách hàng cá nhân; nơi cư trú Nguyễn Hội, phường Pt, t phố Ph, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

6. Ông Đặng Nguyễn Minh H, sinh n 1994; nơi cư trú Khu phố A3, phường Đ, t phố P, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

7. Ông Võ Mạnh H, sinh n 1971; nơi cư trú chung cư Giai Việt, Tạ Quang Bửu, Phường A5, Quận t, TP. Hồ Chí Minh; vắng mặt.

8. Bà Trần Thị X, sinh n 1961; nơi cư trú Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Bà Nguyễn Thị Lê Hằng, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Việt Hằng thuộc Đoàn luật sư t phố Hồ Chí Minh; có mặt.

9. Bà Huỳnh Thị Th, sinh n 1983; nơi cư trú Khu phố A10, phường Đ, tp P, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Kiều Nh, sinh n 1979; nơi cư trú Thôn V, xã H, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

11. Ông Hồ Nguyên H, n sinh 1979, trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ n 2018 đến 2019, Hồ Thị Ngọc Y (sinh n 1993, trú tại: thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) đã hai lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác; Phí V T (sinh n 1959, địa chỉ: khu phố A12, phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận) là Công chứng viên V phòng công chứng Tiến Đạt (địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Nam) đã thuê trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ gây hậu quả nghiêm trọng. Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất

Thông qua bà Huỳnh Thị Th (sinh n 1983, địa chỉ: Khu phố A10, phường Pt, t phố Ph, tỉnh Bình Thuận) nên vợ chồng anh Trần Thanh Duy L (sinh n 1971), vợ là Nguyễn Thị Minh Ch (sinh n 1982), cùng trú tại Khu phố A11, phường Pt, t phố Ph, tỉnh Bình Thuận quen biết với Hồ Thị Ngọc Y và chồng là Huỳnh V Th, sinh n 1985, cùng trú tại thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận và được biết Y là người chuyên làm thủ tục cho vay đáo hạn ngân hàng. Vợ chồng anh L đã nhiều lần cho Y vay tiền với lãi suất 01%/lần đáo hạn từ 5-7 ngày, mỗi lần vay từ 200 đến 300 triệu đồng. Các lần vay này đều được Y trả gốc và lãi

đúng hạn, đầy đủ.

Ngày 10/9/2018, Hồ Thị Ngọc Y hẹn vợ chồng anh L gặp nhau tại quán cà phê Ngọc Tùng trên đường Võ V Kiệt thuộc phường P, t phố P để bàn chiến lược ăn, có chồng Y là Huỳnh V Th và bà Huỳnh Thị Th cùng đi. Tại đây, Y nói dối là đang có gói vay đáo hạn khoảng 10 tỷ đồng, cần số tiền lớn, nếu có tiền thì vợ chồng anh L cho Y vay. Do không có tiền mặt nên vợ chồng anh L nói chỉ có lô đất diện tích 367m² ở đường Phạm Hùng thuộc phường Phú Hải, t phố Phan Thết (giấy chứng nhận số CM 415626) đang muốn bán với giá 07 tỷ đồng, nếu bán được thì mới có tiền cho Y vay. Lúc này Y nảy sinh ý định chiếm đoạt lô đất trên nên nói dối vợ chồng anh L là để Y mua lô đất đó với giá 07 tỷ đồng, coi như vợ chồng anh L cho Y vay số tiền 07 tỷ đồng thì được vợ chồng anh L đồng ý. Hai bên thống nhất là sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, Y sẽ ký một hợp đồng vay tiền thể hiện vay của vợ chồng anh L số tiền 10 tỷ đồng, nếu trong thời gian 06 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng) mà Y không trả được đất cho vợ chồng anh L thì Y phải trả số tiền 10 tỷ đồng, còn nếu làm ăn được thì Y sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại lô đất cho vợ chồng anh L hoặc sẽ trả 07 tỷ đồng cộng với lãi suất 01%/5 - 7 ngày. Ngày 13/9/2018, vợ chồng Y cùng vợ chồng anh L và bà Huỳnh Thị Th đến V phòng Công chứng Tiến Đạt để ký Hợp đồng chuyển nhượng lô đất nêu trên theo giấy chứng nhận số CM 415626 như đã thỏa thuận, nhưng giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 700 triệu đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì hai bên tiếp tục ký một hợp đồng vay tiền thể hiện vợ chồng Y vay của vợ chồng anh L số tiền 10 tỷ đồng (*thời hạn vay từ 13/9/2018 đến ngày 13/3/2019, tiền cho vay là tiền mặt, lãi suất tự thỏa thuận*), thực tế thì không có việc giao nhận số tiền trên. Sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cập nhật sang tên cho vợ chồng Y (ngày 18/9/2018) thì vợ chồng Y ký chuyển nhượng cho anh Ch Chí Ph (sinh n 1991, địa chỉ: khu phố 14, phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận) với giá 7,2 tỷ đồng. Số tiền bán được Y không sử dụng để cho vay gói đáo hạn 10 tỷ đồng như Y nói mà Y cho người khác vay nhưng hiện nay Y không nhớ là đã cho ai vay và cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc cho vay như Y khai. Sau khi được cập nhật biến động sang tên ngày 03/10/2018, anh Ch Chí Ph bán cho anh Võ Mạnh Hi (sinh n 1971, địa chỉ: 7.12 khu A2, chung cư Giai Việt, 854-856 Tạ Quang Bửu, phường 5, Quận 8, T phố Hồ Chí Minh) với giá 8,2 tỷ đồng, cập nhật sang tên anh Hi ngày 16/01/2019.

Kết luận định giá tài sản số 886/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Thuận kết luận: Giá trị lô đất trên tại thời điểm tháng 9/2018 là: 8.118.774.000 đồng.

2. Vụ thứ hai

Hồ Thị Ngọc Y có quen biết với chị Nguyễn Thị N (sinh n 1981, trú tại thôn Đại Thận 2, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Khoảng tháng 10/2018, Y có hỏi vay tiền chị N để làm ăn, lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Do tin tưởng nên ngày 25/10/2018, chị N đã cho Y vay 1,5 tỷ đồng, Y đưa cho chị N 01 sổ đất số BQ 433130 để làm tin, việc vay mượn này có ông Phí V T (sinh n 1959, địa chỉ:

khu phố 12, phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận) là Công chứng viên thuộc V phòng Công chứng Tiên Đạt (địa chỉ: thôn Phú Hưng, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam) ký người làm chứng, trong giấy vay tiền có đóng dấu V phòng công chứng Tiên Đạt.

Một thời gian sau, do Y biết chị N có nhu cầu mua nhà ở t phố Phan Thết nên Y nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị N. Do Y có mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị X (sinh n 1961, địa chỉ: thôn Thuận Điền, xã Hà, huyện H, tỉnh Bình Thuận) và biết bà X đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 967515 (viết tắt là giấy chứng nhận số BG 967515) của căn nhà số 22 đường Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph, do UBND t phố Phan Thết cấp ngày 26/9/2011 cho bà Trần Thị Ta (sinh n 1967, địa chỉ: khu phố 4, phường Đ, t phố P, là em gái của bà X) nên Y nói dối với bà X là cho Y mượn giấy chứng nhận số BG 967515 trong thời gian từ 01 đến 02 ngày để giải quyết công việc xong sẽ trả lại. Tưởng Y nói thật nên bà X đã đưa giấy chứng nhận số BG 967515 cho Y mượn. Sau khi có giấy chứng nhận số BG 967515, Y gặp chị N nói dối là Y có căn nhà số 22 đường Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph, tỉnh Bình Thuận muốn bán, căn nhà này Y đã mua của bà Trần Thị Ta nhưng chưa làm thủ tục sang tên; nếu chị N mua thì Y bán với giá 07 tỷ đồng và sẽ nói bà Ta đi công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì chị N đồng ý; hai bên thống nhất trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi giá bán là 01 tỷ đồng. Do trước đó chị N đã cho Y vay 1,5 tỷ đồng vào ngày 25/10/2018 nên số tiền chị N sẽ phải trả cho Y là 5,5 tỷ đồng. Sau khi thống nhất, Y hẹn chị N ngày 30/10/2018 đến V phòng công chứng Tiên Đạt do Phí V T là Công chứng viên đồng thời là Trưởng V phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Hồ Thị Ngọc Y và soạn thảo xong hợp đồng chuyển nhượng, khi thực hiện thủ tục công chứng thì T đã không tuân thủ các quy định của pháp luật về công chứng nên đã không yêu cầu chủ đất là bà Trần Thị Ta phải xuất trình bản gốc giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận độc thân (vì chỉ có bà Ta đứng tên trong hợp đồng) để kiểm tra, đối chiếu, nhận dạng; không giải thích quyền và nghĩa vụ cho các bên tham gia hợp đồng, đồng thời cũng không trực tiếp yêu cầu bà Ta ký vào hợp đồng trước mặt mình để chứng thực chữ ký nên không phát hiện việc Hồ Thị Ngọc Y ký giả chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị Ta trên hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi Y ký giả chữ ký, chữ viết của bà Ta thì Y gọi điện nói chị N đến V phòng Công chứng Tiên Đạt ký hợp đồng. Sau khi chị N đến ký hợp đồng thì Y nói dối là có nhiều mối quan hệ quen biết và có thể làm thủ tục sang tên nhanh nên chị N tin tưởng để cho Y cầm hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận số BG 967515 đi làm thủ tục sang tên cho chị N. Do giá trị chuyển nhượng căn nhà là 07 tỷ nhưng trên hợp đồng chỉ ghi giá 01 tỷ đồng nên để bảo đảm quyền lợi của mình, các lần giao tiền cho Y thì chị N đều yêu cầu Y viết “Giấy vay tiền”. Ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì chị N đưa cho Y 01 tỷ đồng tại V phòng công chứng, khi nhận tiền thì Y viết “giấy mượn tiền” và Phí V T ký ở mục người làm chứng và đóng dấu của V phòng công chứng Tiên Đạt. Đến ngày 14/11/2018, chị N tiếp tục đưa cho Y 3,5 tỷ đồng, Y nhận

tiền và viết “giấy mượn tiền” và Phí V T ký ở mục người làm chứng và đóng dấu của V phòng công chứng Tiến Đạt. Ngày 21/11/2018, chị N tiếp tục đưa cho Y 1,1 tỷ đồng, (Y viết 01 giấy mượn 800 triệu đồng, 01 giấy mượn 300 triệu), cả hai giấy này đều được Phí V T ký ở mục người làm chứng và đóng dấu của V phòng công chứng Tiến Đạt. Tổng cộng Y đã chiếm đoạt của chị N 7,1 tỷ đồng.

Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị N khai tổng số tiền đã bị Hồ Thị Ngọc Y chiếm đoạt là 8,1 tỷ đồng. Tài liệu điều tra thể hiện “giấy vay tiền” ngày 30/10/2018 được phô tô ra t hai bản (có nội dung như nhau), chị N căn cứ vào đó để xác định Y nhận tiền hai lần (mỗi lần 01 tỷ đồng), nhưng Y khai ngày 30/10/2018 chỉ nhận 01 tỷ đồng, 02 giấy vay tiền có cùng nội dung vay 01 tỷ đồng là do phô tô ra chứ không phải nhận tiền 02 lần, do đó số tiền chiếm đoạt chỉ có 7,1 tỷ đồng. Do đó, lời khai của Y là có căn cứ.

Ngoài ra, Hồ Thị Ngọc Y có quan hệ quen biết và thông xuyên vay tiền của anh Võ Thái Nh (sinh n 1990, địa chỉ: thôn 5, xã H, hiện H, tỉnh Bình Thuận). Khoảng cuối tháng 10/2018, Y nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nh nên hỏi mượn anh Nh số tiền 2,5 tỷ đồng, thời hạn 07 ngày với lãi suất 02%, Y sẽ thế chấp giấy chứng nhận số BG 967515 đứng tên bà Trần Thị Ta (*là thừa đất Y đã lừa bán cho chị N ngày 30/10/2018*). Do tin tưởng Y nói thật nên anh Nh đồng ý nhưng yêu cầu chủ đất (bà Ta) phải làm Hợp đồng ủy quyền cho anh Nh được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất trên, khi nào trả tiền đầy đủ thì anh Nh sẽ ký hủy hợp đồng ủy quyền, thì Y đồng ý. Sau khi thỏa thuận với anh Nh xong, ngày 05/11/2018, Y đến V phòng Công chứng Tiến Đạt gặp và đưa cho Phí V T giấy chứng nhận số BG 967515 và giấy tờ tùy thân của anh Nh để soạn thảo hợp đồng ủy quyền. Sau khi hợp đồng được soạn thảo xong, Y ký và ghi tên Trần Thị Ta ở mục người ủy quyền, sau đó Y điện thoại cho Nh đến ký hợp đồng. Do thiếu trách nhiệm trong quy trình ký công chứng hợp đồng nên Phí V T không kiểm tra và đối chiếu giấy tờ tùy thân, không giải thích và yêu cầu chủ đất phải ký trước mặt của mình nên không phát hiện việc Y giả chữ ký, chữ viết của bà Ta; không phát hiện căn nhà này chính ông T đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng giữa Trần Thị Ta và Nguyễn Thị N vào ngày 30/10/2018. Khi anh Nh đến thì ông T đưa hồ sơ công chứng hợp đồng ủy quyền cho anh Nh ký, anh Nh thấy bên ủy quyền là bà Ta đã ký nhưng không thấy bà Ta đâu nên có hỏi Y thì Y nói bà Ta đã ký hợp đồng và đi về rồi, nghe vậy nên anh Nh không hỏi gì thêm đồng thời thấy hồ sơ do Công chứng viên Phí V T đưa nên anh Nh tin tưởng và ký vào bên được ủy quyền. Sau khi Hợp đồng ủy quyền được Phí V T ký công chứng thì anh Nh giữ 01 bản gốc hợp đồng ủy quyền và giấy chứng nhận số BG 967515. Đến trưa cùng ngày, anh Nh giao cho Y số tiền 2,5 tỷ đồng tại quán cà phê Ngọc Tùng trên đường Võ V Kiệt, việc giao nhận tiền không làm giấy tờ gì nhưng cả Y và Nh đều xác nhận việc giao - nhận số tiền này.

Do đến thời hạn trả nợ cho anh Võ Thái Nh nhưng Y không có tiền nên ngày 12/11/2018, Y gặp anh Võ Thái Nh nói tìm người nhận thế chấp giấy chứng nhận số BG 967515 để vay số tiền cao hơn. Do anh Nh có quen biết anh

Ch Chí Ph (sinh n 1990, địa chỉ: khu phố 14, phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận - chủ tiệm cầm đồ Ph Lộc) nên hỏi thể chấp giấy chứng nhận số BG 967515 để vay số tiền 3,5 tỷ đồng thì được anh Ph đồng ý cho vay với lãi suất 3,5%/tháng, kèm theo điều k anh Nh phải làm hợp đồng chiếm nhượng giấy chứng nhận số BG 967515 cho chị Lê Thị Minh V (vợ anh Ph), khi nào trả nợ xong thì sẽ làm hợp đồng chiếm nhượng lại giấy chứng nhận số BG 967515. Ngày 14/11/2018, anh Nh và chị V đến V phòng công chứng Phan Thết (địa chỉ: 337 Trần Hưng Đạo, phường Bình Hưng, t phố Phan Thết, tỉnh Bình Thuận) để ký hợp đồng chiếm nhượng giấy chứng nhận số BG 967515 như đã thỏa thuận. Khi anh Nh đưa các giấy tờ cho V phòng Công chứng Phan Thết để soạn thảo hợp đồng thì Công chứng viên phát hiện tại Điều 1 của hợp đồng ủy quyền ghi thiếu cụm từ “*và tài sản gắn liền với đất*” nên yêu cầu các bên đến V phòng công chứng Tiến Đạt để chỉnh sửa lại. Anh Nh điện thoại cho Y yêu cầu sửa lại thì Y nói là để Y xử lý, một lúc sau Y điện thoại nói anh Nh cầm hợp đồng ủy quyền đến V phòng công chứng Tiến Đạt để ký lại hợp đồng. Anh Nh cầm hợp đồng ủy quyền đến gặp và đưa cho Phí V T đồng thời Phí V T đưa cho anh Nh bản hợp đồng ủy quyền mới đã bổ sung thêm cụm từ “*và tài sản gắn liền với đất*” vào Điều 1 của hợp đồng ủy quyền; anh Nh thấy hợp đồng đã có chữ ký của bà Trần Thị Ta ở mục “*Bên ủy quyền*” nên anh Nh ký vào mục “*Bên nhận ủy quyền*”. Sau khi hợp đồng ủy quyền đã được sửa lại (số và ngày công chứng không thay đổi), chiều ngày 14/11/2018, anh Nh điện thoại cho chị V đến V phòng công chứng Phan Thết ký hợp đồng chiếm nhượng giấy chứng nhận số BG 967515. Sau khi ký xong hợp đồng chiếm nhượng cho chị V, ngày 15/11/2018, anh Nh cùng Y đến tiệm cầm đồ Ph Lộc để nhận tiền; do anh Nh là người ký hợp đồng chiếm nhượng giấy chứng nhận số BG 967515 cho chị V nên anh Ph yêu cầu anh Nh ký một hợp đồng cầm đồ thể hiện cầm cố căn nhà số 22 đường Nguyễn Thái Học (giấy chứng nhận số BG 967515) để vay 3,5 tỷ đồng. Số tiền 3,5 tỷ đồng này anh Nh cho Y vay, nhưng do trước đó, Y có nợ tiền của anh Ph nên sau khi cần trừ nợ thì anh Ph đưa cho Y 01 tỷ đồng. Như vậy, tổng số tiền Hồ Thị Ngọc Y dùng giấy chứng nhận số BG 967515 lừa đảo chiếm đoạt của anh Nh là 06 tỷ đồng.

Khoảng cuối tháng 11/2018, Y bỏ trốn sang Trung Quốc (có chồng là Huỳnh V Th đi cùng) và bị truy nã từ ngày 16/9/2019. Theo Y khai là sang Trung Quốc đi tìm người có tên là Hà để đòi tiền vì Y cho người này vay 04 tỷ đồng (nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh lời khai của Y). Sau đó Y về Việt Nam sinh sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đổi tên t Lê Thị Thanh Thảo để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, đến ngày 10/12/2020 thì bị bắt theo lệnh truy nã tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình bắt giữ, cơ quan Công an thu giữ của Y số tiền 87.500.000 đồng.

Kết luận giám định số 606/KLGD-PC09 ngày 16/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hồ Thị Ngọc Y trên 06 giấy mượn tiền là do Hồ Thị Ngọc Y ký, viết.

Kết luận giám định số 263/KLGD-PC09 ngày 03/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Chữ ký, chữ viết có nội dung:

“ta”, “trần thị ta” trên Hợp đồng chiếm nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/10/2018 (giữa Trần Thị Ta và Nguyễn Thị N) và trên Hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2018 (giữa Trần Thị Ta và Võ Thái Nh) là do Hồ Thị Ngọc Y ký, viết.

Kết luận giám định số 265/KLGD-PC09 ngày 29/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Ta trên Hợp đồng chiếm nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/10/2018 (giữa Trần Thị Ta và Nguyễn Thị N) và trên Hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2018 (giữa Trần Thị Ta và Võ Thái Nh) không phải do Trần Thị Ta ký, viết.

Công v số 990 ngày 04/4/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định: Bà Trần Thị Ta xuất cảnh từ 30/6/2018 đến nay chưa nhập cảnh vào Việt Nam lần nào. Sau khi nhập cảnh vào Việt Nam, ngày 23/7/2019, bà Trần Thị Ta khai với Cơ quan điều tra là không biết Hồ Thị Ngọc Y là ai, không bán căn nhà số 22 đường Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph cho ai.

Về phần dân sự: Anh Trần Thanh Duy L yêu cầu Y bồi thông 07 tỷ đồng, chị Nguyễn Thị N yêu cầu Y bồi thông 8,1 tỷ đồng, Võ Thái Nh yêu cầu Y bồi thông 06 tỷ đồng. Đến nay Y chưa bồi thông.

Vật chứng: Số tiền 87.500.000 đồng thu giữ của Hồ Thị Ngọc Y được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận chuyển đến Cục Th hành án dân sự tỉnh Bình Thuận chờ Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng số 18/CT-VKSBT-P1 ngày 23 tháng 11 n 2021, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Hồ Thị Ngọc Y về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phí V T về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Phí V T, phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng: Điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự n 2015.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Ngọc Y từ 16 n tù đến 18 n tù.

Phạt bị cáo Hồ Thị Ngọc Y từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Áp dụng: Điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự n 2015.

Xử phạt bị cáo Phí V T từ 08 n tù đến 10 n tù.

Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, hành nghề công chứng 2 n đến 3 n.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Trần Thanh Duy L và Nguyễn Thị Minh Ch đề nghị không nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 415626 diện tích 367m² mà yêu cầu bồi thường 07 tỷ đồng, bị cáo đồng ý vì vậy công nhận sự thỏa thuận các bên. Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho vợ chồng Trần Thanh Duy L số tiền 7.000.000.000đồng (bảy tỷ đồng).

Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 7.100.000.000đồng (bảy tỷ một trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho anh Võ Thái Nh số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 87.500.000 đồng của Hồ Thị Ngọc Y để bảo đảm th hành án.

Buộc Đặng Nguyễn Minh H là người đang chiếm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, phải nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, cho Cục Th hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để th hành trả lại cho bà Trần Thị Ta.

Đề nghị tuyên các giao dịch liên quan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, tại số 22 Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph vô hiệu.

Hủy phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý tr 3 ngày 09/11/2018 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Minh V CMND: 261319408, địa chỉ: Phường P, t phố P, tỉnh Bình Thuận của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011.

Tiếp tục kê biên các thửa đất sau để bảo đảm th hành án:

Thửa đất số 819 tờ bản đồ số 65, diện tích 453,9 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 561635 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

Thửa đất số 805 tờ bản đồ số 65, diện tích 225,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 986308 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

Thửa đất số 1042 tờ bản đồ số 65, diện tích 487,8 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ211044 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 30/12/2005, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Huỳnh V Th đứng tên.

Giao cho cơ quan th hành án dân sự phối hợp xử lý 04 thửa đất sau đây

để thu hồi nợ vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, phần còn lại bảo đảm th hành án: Thửa đất số 468 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659989; thửa đất số 469 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659990; thửa đất số 92 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 950402; thửa đất số DL Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 289472 đứng tên Huỳnh V Th, Hồ Thị Ngọc Y hiện đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Phí V T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phí V T tranh luận: Bị cáo Phí V T không có chức vụ quyền hạn, không là chủ thể của tội Thấu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, mà là một tội khác; thiệt hại của bị cáo gây ra là 1 tỷ đồng. Đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp tỉnh nhập vụ án điều tra là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự ảnh hưởng đến bị cáo.

- Bị hại Trần Thanh Duy L yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 07 tỷ đồng.

- Bị hại Võ Thái Nhật yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 06 tỷ đồng.

- Bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 8,1 tỷ đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại Nguyễn Thị N tranh luận: Trong vụ án này có đồng phạm của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với bị cáo Y là bị cáo Phí V T, Huỳnh V Th với vai trò giúp sức. Ngoài ra, Huỳnh V Th còn phạm tội che giấu tội phạm vì vậy có dấu hiệu lọt người lọt tội; không xử lý việc xuất nhập cảnh trái phép của Hồ Thị Ngọc Y, Huỳnh V Th; không đưa V phòng công chứng Tiến Đạt tham gia tố tụng; không có trả lời của Sở Tư pháp về việc có hay không việc đăng lên cổng thông tin điện tử các hợp đồng Công chứng của V phòng công chứng về thời gian; xử lý kê biên tài sản của Hồ Thị Ngọc Y đã tặng cho em gái Hồ Thị Ngân Hi.

- Người liên quan Trần Thị X đề nghị xem xét giải quyết tài sản là quyền sử dụng đất mà bà đã sang nhượng cho Hồ Thị Ngọc Y.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị X tranh luận: Bà Trần Thị X là bị hại của chuỗi hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản Hồ Thị Ngọc Y. Đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ những tài sản là quyền sử dụng đất bà Trần Thị X đã sang nhượng cho Hồ Thị Ngọc Y.

- Người liên quan Nguyễn Thị Kiều Nh đề nghị xem xét giải quyết tài sản là quyền sử dụng đất mà bà đã nhận chuyển nhượng cho Hồ Thị Ngọc Y nhưng chưa sang tên được.

- Người liên quan Huỳnh Thị Th đề nghị Hồ Thị Ngọc Y xem xét số tiền

đã đưa cho Y nhưng không có giấy tờ chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt một số người liên quan, xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên như ý kiến đề nghị của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại, người liên quan, Kiểm sát viên là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[3] Ý kiến tranh luận của những người tham gia tố tụng:

[3.1] **Xét ý kiến của bị cáo, quan điểm tranh luận người bào chữa cho bị cáo,** Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phí V T trong quá trình điều tra, tại phiên tòa hôm nay đều thừa nhận, bị cáo được bổ nhiệm Công chứng viên, làm việc tại v phòng công chứng Tiến Đạt theo Luật công chứng. Vì vậy bị cáo là người có chức vụ quyền hạn; tại phiên tòa bị cáo Phí V T trình bày quá trình điều tra, làm việc tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên bị cáo rất thoải mái không bị bức cung, nhục hình, trên cơ sở tôn trọng pháp luật. Trong vụ án cụ thể này hành vi của bị cáo Phí V T, bị cáo Hồ Thị Ngọc Y có quan hệ với nhau, lời khai, chứng cứ chứng minh của bị cáo Y này ảnh hưởng trực tiếp tới bị cáo T và ngược lại. Vì vậy việc nhập hai vụ án để điều tra, truy tố, xét xử trong cùng một vụ án là đảm bảo tính khách quan đúng quy định của pháp luật không bất lợi cho các bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo Phí V T không có ý kiến gì. Qua phân tích, lập luận trên, ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phí V T là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] **Xét ý kiến Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại Nguyễn Thị N:**

Về vấn đề bỏ lọt người, lọt tội: Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa lời khai của bị cáo Phí V T, bị cáo Hồ Thị Ngọc Y và các

chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo Phí V T, bị cáo Hồ Thị Ngọc Y không có sự bàn bạc chuẩn bị trước; bị cáo Phí V T không được hưởng lợi về vật chất, tinh thần hay những thứ khác từ bị cáo Hồ Thị Ngọc Y. Do đó bị cáo Phí V T không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm là có cơ sở.

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa lời khai của bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, ông Huỳnh V Th và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, Huỳnh V Th không bàn bạc, không tham gia cùng Hồ Thị Ngọc Y trong các vụ lừa đảo đối các bị hại trên; Th chỉ ở nhà chăm con, chở Y đi khi Y có nhu cầu. Do đó, Huỳnh V Th không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm với Y là có căn cứ. Khi Huỳnh V Th cùng Hồ Thị Ngọc Y sang Trung Quốc lấy tiền lúc này Hồ Thị Ngọc Y chưa bị khởi tố về hành vi, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không có cơ sở cho rằng Huỳnh V Th phạm tội che giấu tội phạm.

Về vấn đề đưa V phòng công chứng Tiến Đạt tham gia tố tụng:

Bị cáo Phí V T bị truy tố về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; bị cáo Hồ Thị Ngọc Y bị truy tố về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trách nhiệm bồi thường là của bị cáo Hồ Thị Ngọc Y. Tại phiên tòa Bị hại Trần Thanh Duy L chỉ yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 07 tỷ đồng; Bị hại Võ Thái Nh chỉ yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 06 tỷ đồng; Bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả lại 8,1 tỷ đồng. Như vậy, trách nhiệm bồi thường cho các bị hại là của bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, không phải của bị cáo T. Thông báo ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của V phòng công chứng Tiến Đạt gồm (Phí V T, Công chứng viên, Trưởng v phòng) do đó không cần thiết phải đưa V phòng công chứng Tiến Đạt tham gia tố tụng trong vụ án vì không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ dân sự của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Vấn đề đăng lên cổng thông tin điện tử: Theo xác minh tại Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận ngày 19/02/2019 như sau: Từ n 2014 Sở Tư pháp đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu về công chứng, theo đó mọi thông tin tài sản liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ủy quyền đối với quyền sử dụng đất phải được đăng tải trên hệ thống phần mềm ngay sau khi V phòng công chứng, công chứng viên thực hiện việc công chứng chứng thực (BL555). Như vậy, cơ quan điều tra đã thu thập thực hiện đầy đủ trong quá trình điều tra.

Vấn đề xử lý xuất nhập cảnh trái phép: Huỳnh V Th cùng Hồ Thị Ngọc Y, Hội đồng xét xử sẽ kiến nghị cơ quan Công an xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Vấn đề kê biên tài sản của Hồ Thị Ngọc Y: Cơ quan Điều tra đã kê biên tất cả các tài sản của Hồ Thị Ngọc Y, cũng như tại phiên tòa Huỳnh V Th đồng ý kê biên tài sản chung của Th và Y, tài sản Huỳnh V Th được tặng cho

riêng để Hồ Thị Ngọc Y khắc phục hậu quả. Tài sản tại thửa số 65 tờ bản đồ số 50 diện tích 5078 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ392308 nguyên là tài sản của hộ ông Hồ V B, sinh n 1964 (cha ruột bị cáo Y) bị cáo Hồ Thị Ngọc Y tặng cho em ruột là Hồ Thị Ngân Hi ngày 20/11/2018, tài sản này không phải của Huỳnh V Th, Hồ Thị Ngọc Y nên cơ quan Điều tra không kê biên là đúng quy định.

[3.3] Xét ý kiến Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X:

Về vấn đề đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ những tài sản là quyền sử dụng đất bà Trần Thị X đã sang nhượng cho Hồ Thị Ngọc Y.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các chứng cứ thu thập trong hồ sơ, lời khai của bà Trần Thị X, lời khai bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, lời khai bị cáo Phí V T. Tất cả khẳng định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình bà Trần Thị X và vợ chồng Huỳnh V Th, Hồ Thị Ngọc Y là tự nguyện không bị ép buộc hay lừa dối, được công chứng chứng thực theo quy định và được cập nhật biến động tr 3, tr 4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Nếu các bên thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền, hoặc Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu. Do đó yêu cầu của Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về ý kiến tranh luận của bà Nguyễn Thị N: Cho rằng số tiền đưa cho Hồ Thị Ngọc Y ngày 30/10/2018 là 02 tỷ đồng. Nhưng tại giấy mượn tiền ngày 30/10/2018 số tiền là 01 tỷ đồng là hai bản, một bản chính và một bản photô chữ ký của Nguyễn Thị N, Hồ Thị Ngọc Y giống hệt nhau. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đưa 02 tỷ đồng, cũng như tại phiên tòa Hồ Thị Ngọc Y chỉ thừa nhận có nhận của bà N 01 tỷ đồng. Do đó, không chấp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị N.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, Phí V T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/9/2018, Hồ Thị Ngọc Y nói dối vợ chồng anh Trần Thanh Duy L và Nguyễn Thị Minh Ch là có gói vay đáo hạn khoảng 10 tỷ đồng nên muốn vay tiền của vợ chồng anh L. Khi biết vợ chồng anh L không có tiền mặt nhưng có lô đất diện tích 367m² ở đường Phạm Hùng thuộc phường Phú Hải, t phố Phan Thết (giấy chứng nhận số CM 415626) muốn bán thì Y nảy sinh ý định chiếm đoạt lô đất trên nên nói dối vợ chồng anh L là để Y mua lô đất đó với giá

07 tỷ đồng, coi như cho Y vay số tiền 07 tỷ đồng, để tạo niềm tin, mặc dù thửa đất có giá 07 tỷ đồng nhưng Y sẽ ký một hợp đồng vay tiền của vợ chồng anh L số tiền 10 tỷ đồng. Tin lời Y nói, ngày 13/9/2018, vợ chồng anh L đã ký chuyển nhượng thửa đất trên cho Y, Y ký một hợp đồng vay tiền 10 tỷ đồng của vợ chồng anh L. Sau khi thửa đất được cập nhật sang tên thì Y đã bán cho người khác.

Do biết chị Nguyễn Thị N có nhu cầu mua nhà ở t phố Phan Thết nên Y nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách mượn bà Trần Thị X giấy chứng nhận số BG 967515 của căn nhà số 22 Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph và nói dối căn nhà này Y đã mua nhưng chưa sang tên làm cho chị N tin tưởng đồng ý mua, Y đã giả chữ ký, chữ viết của chủ nhà trong hợp đồng chuyển nhượng được công chứng ngày 30/10/2018 tại V phòng Công chứng Tiến Đạt để chiếm đoạt của chị N tổng cộng 7,1 tỷ đồng.

Sau đó, Hồ Thị Ngọc Y tiếp tục dùng lời nói gian dối và thế chấp giấy chứng nhận số BG 967515 nêu trên cho anh Võ Thái Nh để vay tiền. Cũng tại V phòng Công chứng Tiến Đạt, Y đã giả chữ ký, chữ viết của chủ đất trong hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 05/11/2018 và chiếm đoạt của anh Nh hai lần tổng cộng 06 tỷ đồng.

Tổng giá trị tài sản Hồ Thị Ngọc Y đã chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Thanh Duy L và Nguyễn Thị Minh Ch, chị Nguyễn Thị N và anh Võ Thái Nh là 21.218.774.000 đồng.

Đối với Phí V T, quá trình thực hiện công chứng hợp đồng, Phí V T đã không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công chứng, không yêu cầu chủ đất (bà Trần Thị Ta) phải xuất trình bản gốc giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu) cũng như yêu cầu phải có giấy xác nhận độc thân của chủ đất để kiểm tra, đối chiếu; đồng thời, cũng không yêu cầu các bên công chứng ký trước mặt mình. Ngoài ra, khi ký hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2018 đối với căn nhà của bà Trần Thị Ta thì Phí V T không yêu cầu các bên phải hủy Hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/10/2018 (giữa bà Ta và chị N) trước khi ký hợp đồng ủy quyền (giữa bà Ta và Nh); Phí V T đã bỏ qua nguyên tắc về chỉnh sửa hợp đồng nên đã làm lại hợp đồng ủy quyền (số và ngày công chứng không thay đổi) nên không phát hiện việc Hồ Thị Ngọc Y giả chữ ký của chủ đất trên các hợp đồng nêu trên. Hành vi của Phí V T đã vi phạm quy định tại các Điều 17, 40, 48, 50, 51 Luật Công chứng n 2014 (sửa đổi, bổ sung n 2018), là điều kiện để Hồ Thị Ngọc Y chiếm đoạt tài sản của các bị hại số tiền là 13.100.000.000 đồng.

[5] Hành vi của Hồ Thị Ngọc Y là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an ở địa p nên phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa

tội phạm chung. Hành vi trên của bị cáo đã cấu t tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự n 2015 là có căn cứ. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cần lượng cho bị cáo một mức án tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài đủ để răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Nhưng khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Hành vi của Phí V T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính đúng đắn của hoạt động cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện, làm mất an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; tạo điều k cho bị cáo Y gây thiệt hại về tài sản cho người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an ở địa p nên phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm chung. Hành vi trên của bị cáo đã cấu t tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cần lượng cho bị cáo một mức án tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Nhưng khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hồ Thị Ngọc Y nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều cấu t tội phạm nên thuộc trường hợp “*phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Phí V T nhiều lần thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, mà mỗi lần đều cấu t tội phạm nên thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Hồ Thị Ngọc Y đã t khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đồng ý kê biên tất cả các tài sản của vợ chồng bị cáo là quyền sử dụng đất để trả cho các bị hại vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Phí V T đã t khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. bị cáo Phí V T có thời gian tham gia chiến đấu, làm nghĩa vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Thanh Duy L chỉ yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y bồi thường số tiền 07 tỷ đồng, đề nghị không nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 415626 diện tích 367m². Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại L vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận này.

Bị hại Võ Thái Nh chỉ yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y bồi thường lại 06 tỷ đồng, bị cáo Hồ Thị Ngọc Y đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại Nh vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận này.

Bị hại Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo Hồ Thị Ngọc Y trả số tiền 8,1 tỷ đồng; bị cáo Hồ Thị Ngọc Y chỉ đồng ý trả 7,1 tỷ đồng. Nhận thấy số tiền bị hại N khai đưa cho Hồ Thị Ngọc Y ngày 30/10/2018 là 02 tỷ đồng, nhưng tại giấy mượn tiền ngày 30/10/2018, số tiền là 01 tỷ đồng là hai bản, một bản chính và một bản photô chữ ký của Nguyễn Thị N, Hồ Thị Ngọc Y có nội dung giống hệt nhau. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đưa 02 tỷ đồng; cũng như tại phiên tòa Hồ Thị Ngọc Y chỉ thừa nhận có nhận của bà N 01 tỷ đồng vào ngày 30/10/2018. Vì vậy, buộc Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường Nguyễn Thị N tổng số tiền là 7,1 tỷ đồng.

[10] Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ 87.500.000 đồng của Hồ Thị Ngọc Y để bảo đảm th hành án.

Buộc Đặng Nguyễn Minh H là người đang chiếm giữ nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, cho Cục Th hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để th hành.

Hủy phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý tr 03 ngày 09/11/2018 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Minh V CMND: 261319408, địa chỉ: Phường P, t phố P, Bình Thuận của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011.

Trả cho bà Trần Thị Ta, sinh n 1967, CMND số 260505332, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011.

Tiếp tục kê biên các thửa đất sau để bảo đảm th hành án.

Thửa đất số 819 tờ bản đồ số 65, diện tích 453,9m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 561635 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

Thửa đất số 805 tờ bản đồ số 65, diện tích 225,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 986308 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

Thửa đất số 1042, tờ bản đồ số 65, diện tích 487,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ211044 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 30/12/2005, tại thôn 5 xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đứng tên Huỳnh V Th.

[11] Đối với Huỳnh V Th (chồng của Hồ Thị Ngọc Y), Th có đi cùng với Y trong những lần đi ký hợp đồng, đi nhận tiền của các bị hại nhưng Th chỉ có nhiệm vụ chở Y đi, mọi hoạt động giao dịch, thỏa thuận và giao nhận tiền giữa Y với các bị hại đều do Y trực tiếp thực hiện; các bị hại cũng xác định chỉ thấy Th là người chở Y đi cùng chứ không tham gia bàn bạc, trao đổi gì nên không có căn cứ để xử lý đối với Th với vai trò là đồng phạm của Hồ Thị Ngọc Y là có căn cứ. Tại phiên tòa, Th đồng ý kê biên tất cả tài sản của hai vợ chồng (bò gồm cả tài sản Th được cho tặng riêng) để trả nợ cho các bị hại trong vụ án.

[12] Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận nhận được đơn tố cáo Hồ Thị Ngọc Y chiếm đoạt tài sản của: Trần Thị X (sinh n 1961, địa chỉ: Thôn Thuận Điền, xã H, hiện H); Huỳnh Thị Th (1983, địa chỉ: Khu phố 10, phường Pt, t phố Ph); Nguyễn Thị Kiều Nh (sinh n 1979, địa chỉ: Thôn V L, xã Hàm Mỹ, hiện Hàm Thuận Nam); Lê Thị Huệ (sinh n 1959, địa chỉ: Khu phố 13, phường P, t phố P – hiện đã chết). Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị X, bà Huỳnh Thị Th, bà Nguyễn Thị Kiều Nh đều không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh Hồ Thị Ngọc Y chiếm đoạt tài sản. Trong khi đó Hồ Thị Ngọc Y không thừa nhận có hành vi chiếm đoạt tài sản của những người này nên không có cơ sở xử lý đối với Hồ Thị Ngọc Y là có căn cứ. Nếu bà Trần Thị X, bà Huỳnh Thị Th, bà Nguyễn Thị Kiều Nh thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị thiệt hại thì có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền, hoặc Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với các giao dịch dân sự, các khoản thiệt hại phát sinh trong hoặc ngoài hợp đồng và các vấn đề khác liên quan đến GCNQSDĐ số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, các chủ thể Ch Chí Ph, Võ Thái Nh, Đặng Nguyễn Minh H...có quyền tự thỏa thuận giải quyết hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hồ Thị Ngọc Y chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật hình phạt:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự n 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y **18 (mười tám)** n tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2020.

Áp dụng: Điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự n 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phí V T, phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Xử phạt: Bị cáo Phí V T **7 (bảy)** n tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2021.

Cấm bị cáo Phí V T hành nghề công chứng 3 (b) n kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự n 2015.

Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho ông Trần Thanh Duy L, bà Nguyễn Thị Minh Ch số tiền 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng).

Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 7.100.000.000 đồng (Bảy tỷ một trăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải bồi thường cho ông Võ Thái Nh số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan th hành án có quyền chủ động ra quyết định th hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu th hành án của người được th hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được th hành án) cho đến khi th hành án xong, bên phải th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải th hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự n 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 87.500.000 đồng (Tám mươi bảy triệu n trăm nghìn đồng) của Hồ Thị Ngọc Y theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 26/11/2021 tại kho bạc nhà nước Bình Thuận để bảo đảm th hành án.

3.1. Buộc Đặng Nguyễn Minh H người đang chiếm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do

UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, phải nộp bản chính cho Cục Th hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để th hành.

Hủy phần nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý tr 3 ngày 09/11/2018 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Minh V CMND: 261319408, địa chỉ: Phường P, t phố P, Bình Thuận của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011.

Trả cho bà Trần Thị Ta, sinh n 1967, CMND số 260505332, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011.

Các giao dịch liên quan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BG 967515 do UBND t phố Phan Thết cấp cho bà Trần Thị Ta ngày 26/9/2011, tại số 22 Nguyễn Thái Học, phường Đ, t phố Ph, tỉnh Bình Thuận vô hiệu nếu không do bà Trần Thị Ta thực hiện.

3.2. Đối với các giao dịch dân sự, các khoản thiệt hại phát sinh trong hoặc ngoài hợp đồng và các vấn đề khác liên quan đến các GCNQSDĐ nói trên, các chủ thể có quyền tự thỏa thuận giải quyết hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.3. Tiếp tục kê biên các thửa đất sau để bảo đảm th hành án:

- Thửa đất số 819 tờ bản đồ số 65, diện tích 453,9 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 561635 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

- Thửa đất số 805 tờ bản đồ số 65, diện tích 225,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 986308 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 27/2/2017, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Hồ Thị Ngọc Y đứng tên.

- Thửa đất số 1042 tờ bản đồ số 65, diện tích 487,8 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ211044 do UBND hiện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 30/12/2005, tại Thôn 5, xã Hàm Thắng, hiện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, do Huỳnh V Th đứng tên.

Giao cho cơ quan th hành án dân sự phối hợp xử lý 04 thửa đất sau đây để thu hồi nợ vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam phần còn lại bảo đảm th hành án. Thửa đất số 468 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659989; thửa đất số 469 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659990; thửa đất số 92 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 950402; thửa đất số DL Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 289472 đứng tên Huỳnh V Th, Hồ Thị Ngọc Y hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Ngoại Thương.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bn

Thờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y, bị cáo Phí V T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hồ Thị Ngọc Y phải chịu 129.100.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- PV06, PC01, Trại 1 (Công an tỉnh B.Thuận);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thành